

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: NGỮ VĂN 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

A. Giới hạn chương trình: Hết bài 4: Văn bản thông tin

- Đề thi **tự luận**, thời gian: **90 phút**

- Gồm 2 phần: **Đọc hiểu** (5,0 điểm) và **Viết** (5,0 điểm).

+ **Đọc hiểu:** **06** câu hỏi (theo các mức độ nhận biết (3 câu), thông hiểu (2 câu) và vận dụng (1 câu)). Đọc hiểu văn bản/đoạn trích thuộc thể loại tương đương với các thể loại đã học theo yêu cầu cần đạt của chương trình (tương ứng với bộ SGK lựa chọn dạy học) tính đến thời điểm kiểm tra.

+ **Viết:** **01** câu: Tạo lập văn bản theo yêu cầu cần đạt của chương trình tính đến thời điểm kiểm tra.

B. Kiến thức cần ôn tập

I. Kiến thức đọc hiểu và câu hỏi liên quan

- Thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, xác định từ ngữ, hình ảnh,...

- Yếu tố tượng trưng và vai trò của yếu tố tượng trưng,...

- Các biện pháp tu từ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và tác dụng/ hiệu quả nghệ thuật (chú ý ôn tập biện pháp lặp cấu trúc cú pháp, biện pháp tu từ đối).

- Nội dung/ chủ đề/ đề tài/ đặc sắc nghệ thuật văn bản...

- Ý nghĩa từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, câu/ đoạn, văn bản...

- Nhận xét, giải thích, bày tỏ quan điểm về một vấn đề mà tác giả thể hiện trong văn bản.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề từ một vấn đề nào đó từ trong đoạn trích/ tác phẩm; nêu thông điệp/ bài học có ý nghĩa nhất và lí giải, ...

II. Kiến thức phục vụ phần Viết

1. Kiến thức Ngữ văn

a. Kiến thức trọng tâm

1.1. Thơ và truyện thơ

1.1.1. Thơ trữ tình

- **Khái niệm:** Thơ thuộc loại tác phẩm trữ tình, thiên về diễn tả tình cảm, cảm xúc của nhà thơ. Thơ có hình thức cấu tạo đặc biệt. Thơ cách luật có quy tắc nhất định về số câu, số chữ, gieo vần...

- **Ngôn ngữ thơ** có đặc điểm là hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gọi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh điệu, đối...

- **Hình ảnh trong thơ** là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống, được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.

- **Vần** trong thơ Việt Nam gồm vần chân và vần lưng. Vai trò của vần trong thơ: liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hoà, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.

- **Nhịp thơ** được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng (ngắt dòng) đều đặn cuối mỗi dòng thơ. Nhịp có tác dụng tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần

- **Mạch cảm xúc** của bài thơ là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ.

- **Cảm hứng chủ đạo** là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc.

- **Nhân vật trữ tình:** Là người trực tiếp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ,... trong bài thơ nhưng không đồng nhất với tác giả.

+ Xuất hiện trực tiếp qua các đại từ nhân xưng (*tôi, anh, em, chúng ta, chúng tôi,...*)

+ Chủ thể ẩn, không có ngôi (nhân danh cái chung, đại diện cho một bộ phận xã hội)

- **Yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ làm cho bài thơ thêm gợi tả, hấp dẫn.** Yếu tố miêu tả góp phần làm rõ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng. Yếu tố tự sự được dùng để thuật lại sự việc, câu chuyện khi cần.

1.1.2. Truyện thơ dân gian

Đặc điểm cơ bản	Mang các đặc điểm của VH dân gian: - Tính tập thể - Tính truyền miệng - Tính nguyên hợp
Phân loại	- Căn cứ vào phương thức biểu đạt chính: + Nhóm tự sự - trữ tình (yếu tố tự sự nổi trội hơn) + Nhóm trữ tình – tự sự (yếu tố trữ tình nổi trội hơn) - Căn cứ vào đề tài: 3 nhóm : tình yêu đôi lứa; những người nghèo khổ, bất hạnh; ước mơ công lí, chính nghĩa.
Cốt truyện	Thường gồm 3 phần: Gặp gỡ - Thử thách (Tai biến) – Đoàn tụ
Nhân vật	- Thường phân loại theo loại: tốt – xấu, thiện ác. - Được miêu tả qua những biểu hiện bên ngoài (diện mạo, hành động, lời nói) và qua tâm trạng.
Ngôn ngữ	Đậm chất dân ca, giàu cảm xúc, giàu hình ảnh, nhạc điệu và các biện pháp tu từ.

1.1.3. Truyện thơ Nôm

Văn tự	Chữ Nôm
Thể thơ	Phần lớn là thể lục bát
Đặc điểm nội dung	- Phản ánh cuộc sống, xã hội. - Bộc lộ thái độ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, tác giả
Đặc điểm hình thức nghệ thuật (cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, ngôi kể)	- Kết hợp giữa tự sự và trữ tình. - Cốt truyện: thường xây dựng theo mô hình với ba phần cơ bản: <i>Gặp gỡ - Thử thách – Đoàn tụ</i> - Nhân vật: + được miêu tả với những biểu hiện bên ngoài (diện mạo, dáng vẻ, hành động, ngôn ngữ đối thoại) hơn là con người với đời sống nội tâm (suy nghĩ, cảm xúc, ngôn ngữ độc thoại). + Tính cách nhân vật thường tĩnh tại, ít có sự vận động và phát triển. - Các hình thức ngôn ngữ tự sự: + <i>ngôn ngữ gián tiếp</i> (lời tác giả) => thường được sử dụng nhiều trong truyện Nôm. + <i>ngôn ngữ trực tiếp</i> (lời nhân vật), + <i>ngôn ngữ nửa trực tiếp</i> (lời tác giả nhưng theo thể hiện cảm xúc, suy tư, giọng điệu của nhân vật). - Ngôi kể: thường ở ngôi thứ ba
Phân loại	Tiêu chí: căn cứ vào nội dung và nghệ thuật => Phân thành 2 nhóm lớn: - Truyện thơ Nôm bình dân: thường khuyết tên tác giả; thường lấy đề tài từ truyện dân gian; ngôn ngữ thường nôm na, mộc mạc. - Truyện thơ Nôm bác học: đa số có tên tác giả; thường lấy đề tài, cốt truyện từ những tác phẩm cổ của Trung Quốc nhưng được sáng tạo lại; hoặc do tác giả sáng tạo, hư cấu.

1.2. Thơ văn nguyên Du

1.3. Truyện

Chủ đề trong một văn bản	- Chủ đề là vấn đề cơ bản đặt ra trong văn bản. - Những tác phẩm văn học lớn thường mang nhiều chủ đề, trong đó: + Chủ đề chính là chủ đề quán xuyên toàn bộ văn bản. + Chủ đề phụ (chủ đề cục bộ) là chủ đề được thể hiện qua các nhân vật hoặc tình tiết riêng lẻ.
Sự thay đổi điểm nhìn trong truyện	- Trong quá trình trần thuật, điểm nhìn có thể được chuyển từ người kể chuyện sang nhân vật, từ nhân vật này sang nhân vật khác. - Tác dụng: giúp đi sâu vào nội tâm nhân vật, mở rộng khả năng bao

	quát, nhận xét, đánh giá của người trần thuật.
Giá trị văn hoá và triết lí nhân sinh trong văn học	* Giá trị văn hoá trong văn học: Mỗi tác phẩm văn học là sản phẩm của một nền văn hóa, phản ánh giá trị văn hóa cộng đồng nơi tác phẩm sinh thành. * Triết lí nhân sinh trong văn học: - Là quan niệm và sự lí giải của nhà văn về các vấn đề chung liên quan đến cuộc sống, số phận con người, sự tồn tại và phát triển của xã hội. - Phương tiện thể hiện: + Biểu hiện trực tiếp qua lời người kể chuyện. + Thể hiện trực tiếp qua lời nhân vật hoặc gián tiếp qua tình huống truyện, nhân vật, biểu tượng, bối cảnh.

1.4. Văn bản thông tin

- Nhan đề của VBTT thường tập trung nêu bật đề tài của văn bản; tức là trả lời cho câu hỏi: *Văn bản viết về vấn đề gì?*

- Bố cục và cách trình bày của VBTT: Bố cục là hình thức sắp xếp các phần, mục lớn của một văn bản. Bố cục của VBTT thường gồm các phần sau: nhan đề, sapô; thời gian và nơi in văn bản; nội dung chính của văn bản. VBTT thường được trình bày bằng *kênh chữ* và có thể kết hợp với *kênh hình*; *kênh chữ* có thể có các tiêu mục (có tiêu đề, đánh số thứ tự, trình bày các chữ đậm, nhạt khác nhau); kết thúc văn bản có thể có mục tài liệu tham khảo và các chú thích.

- Thái độ và quan điểm của người viết ở VBTT được thể hiện ở nội dung đồng tình hay phản đối, ca ngợi hay phê phán thông qua các yếu tố như nhan đề, cách trình bày thông tin, ngôn ngữ,...

1.5. Thực hành tiếng Việt

1.5.1. Biện pháp lặp cấu trúc

Đặc điểm	Là biện pháp tu từ cú pháp, theo đó, người viết (người nói) lặp lại cấu trúc của một cụm từ, một câu.
Tác dụng	- Nhằm nhấn mạnh nội dung biểu đạt. - Tạo nhịp điệu, sự liên kết cho các câu văn, câu thơ.
Phạm vi sử dụng	Dùng nhiều trong PCNN chính luận và PCNN nghệ thuật

1.5.2. Biện pháp tu từ đối

Khái niệm	Là biện pháp tu từ, theo đó, người viết (người nói) xếp đặt những từ ngữ hoặc câu có đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp tương tự hoặc tương phản nhau ở những vị trí đối xứng trong câu hoặc trong văn bản.
Mục đích – tác dụng	Nhằm gọi ra một nội dung hoàn chỉnh, làm nổi bật một ý nghĩa nhất định.
Phạm vi sử dụng	- Phép đối được thực hiện trong câu hoặc trong văn bản. - Sử dụng trong cả văn vần (thơ, phú), văn biền ngẫu (câu đối, chiếu, cáo, hịch,...); dùng trong cả văn xuôi, nhất là văn chính luận.
Phân loại	- Phép trường đối (bình đối): thực hiện đối giữa hai dòng thơ hoặc hai câu văn. - Phép tiêu đối: thực hiện giữa các từ ngữ trong một dòng thơ hoặc một câu văn (đối trong một cụm từ hoặc đối giữa hai vế câu)

1.5.3. Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

Đặc điểm	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
Phương tiện	- Âm thanh (phương tiện ngôn ngữ), kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt,... (phương tiện phi ngôn ngữ) - Ngôn ngữ nói rất đa dạng về ngữ điệu: giọng nói có thể cao hay thấp, nhanh hay chậm, mạnh hay yếu, liên tục hay ngắt quãng,... - Lời nói khó phổ biến rộng và lưu giữ lâu	- Chủ yếu là chữ viết (phương tiện ngôn ngữ), kết hợp hình ảnh, kí hiệu, biểu đồ,... (phương tiện phi ngôn ngữ). - Các văn bản viết được phổ biến rộng và lưu giữ lâu dài.

	dài nếu không được ghi âm, ghi hình.	
Nhân vật giao tiếp và hoàn cảnh giao tiếp	- Có người nói và người nghe; người nói và người nghe có thể đổi vai cho nhau - Hoàn cảnh giao tiếp bằng ngôn ngữ nói mang tính chất tức thời, không được dàn dựng trước: + Người nói ít có điều kiện chọn lọc, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ. + Người nghe cũng phải tiếp nhận, lĩnh hội kịp thời, ít có điều kiện suy nghĩ, phân tích kĩ.	- Người viết và người đọc không thể ngay lập tức đổi vai cho nhau. Nhưng người viết vẫn phải hình dung là viết cho người đọc nhất định và có thể nhận được phản hồi của người đọc. - Hoàn cảnh giao tiếp của ngôn ngữ viết có điều kiện dàn dựng trước, người viết có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn gọt giũa; còn người đọc có điều kiện đọc lại, phân tích, nghiền ngẫm để lĩnh hội thấu đáo.
Từ ngữ và câu	- Từ ngữ: thường sử dụng từ ngữ giản dị, dễ hiểu, sử dụng lớp từ mang tính khẩu ngữ, từ ngữ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ, trợ từ, thán từ,... - Câu: có thể sử dụng các câu tỉnh lược, câu đặc biệt; câu có yếu tố dư thừa, trùng lặp,...	- Từ ngữ: + Được trau chuốt, hoàn chỉnh, phù hợp với từng phong cách chức năng văn bản được tạo lập. + Tránh dùng các từ mang tính khẩu ngữ, từ địa phương, tiếng lóng,... - Câu: + Ít sử dụng các câu tỉnh lược, câu đặc biệt, các yếu tố chêm xen dư thừa. + Thường có những câu dài, nhiều thành phần nhưng được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ nhờ các quan hệ từ và sự sắp xếp các thành phần phù hợp.

1.5.4. Lỗi về thành phần câu và cách sửa

a. Lỗi về thành phần câu

Lỗi về thành phần câu bao gồm:

- Lỗi về cấu tạo câu:
 - + Câu thiếu chủ ngữ
 - + Câu thiếu vị ngữ
 - + Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ
- Lỗi về ngữ nghĩa
- Lỗi về ngắt câu

b. Cách phát hiện và sửa lỗi về thành phần câu

Bước 1: Phát hiện lỗi

- Đọc kĩ lại các câu trong bài
- Nếu gặp một câu khó hiểu thì nên kiểm tra xem vì sao không hiểu được:
 - + Vì vấn đề khó quá, vượt hiểu biết của bản thân?
 - + Vì câu sử dụng những từ ngữ khó hiểu?
 - + Vì câu thiếu thành phần chính?
 - + Vì câu thiếu lô gích?

Bước 2: Tìm biện pháp sửa lỗi

Đối với lỗi câu thiếu thành phần chính thì cần:

- Xác định thành phần bị thiếu là thành phần nào trong câu.
- Xác định cách sửa:
 - + Bổ sung từ ngữ để làm thành phần bị thiếu;
 - + Cắt bớt từ ngữ để từ ngữ còn lại đảm nhận vai trò của thành phần bị thiếu;
 - + Thay đổi trật tự từ ngữ để một từ ngữ đảm nhận được vai trò của thành phần bị thiếu.

Lưu ý:

- + Đọc kĩ, nắm chắc phần kiến thức Ngữ văn trong SGK.

+ Ngữ liệu trong đề thi là những văn bản, đoạn văn bản nằm ngoài chương trình (cùng thể loại với những văn bản đã học).

b. Yêu cầu cần đạt

Thơ trữ tình	Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm
Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ (lặp cấu trúc, đối,...) trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ. - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ. - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có). Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra. - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm - Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích/ tác phẩm. - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.
Truyện	Văn bản thông tin

Nhận biết:

- Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn.
- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn.
- Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn.

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn.
- Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.
- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.
- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.

Vận dụng:

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.

Vận dụng cao:

- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.
- So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.

Nhận biết:

- Nhận biết được đề tài, thông tin chính của văn bản, các chi tiết tiêu biểu.
- Nhận biết được bố cục, sự mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản, các phương tiện biểu đạt thông tin trong văn bản.
- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin.
- Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.

Thông hiểu:

- Nêu nội dung bao quát của văn bản.
- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.
- Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả
- Chỉ ra và lí giải được mục đích, ý tưởng, thái độ, quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản.
- Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lòng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản
- Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản.
- Phân tích được tác dụng của bố cục, các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản.

Vận dụng:

- Đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản.
- Rút ra thông điệp, bài học từ nội dung văn bản.
- Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân.

Vận dụng cao:

- Trình bày thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết.
- Đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố hình thức trong văn bản; đánh giá được mức độ chính xác, khách quan của thông tin trong văn bản dựa trên những căn cứ xác đáng.

	- Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản
--	---

2. Các kiểu bài viết

- Viết bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí (về một câu danh ngôn, ngôn ngữ, ca dao hoặc một vấn đề xã hội được gợi ra từ đoạn trích/ tác phẩm).
- Viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (về một đoạn trích/ tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng,...)
- Viết bài nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học.
- Viết bài thuyết minh tổng hợp.

2.1. Viết bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí

- **Mở bài:** Nêu vấn đề bằng một trong các cách: phản đề, so sánh, đặt câu hỏi,...
- **Thân bài:** Giải quyết vấn đề.
 - + Giải thích vấn đề hoặc câu cách ngôn bằng cách đặt câu hỏi: Là gì? Tại sao?
 - + Phân tích: Thể hiện như thế nào?
 - + Chứng minh: Bằng chứng cụ thể là gì?
 - + Bình luận: Có ý nghĩa, giá trị và tác động như thế nào?
- **Kết bài:** Tổng hợp vấn đề bằng một trong các cách: *tóm lược, phát triển, vận dụng, liên tưởng, phối hợp*...

2.2. Viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

- **Mở bài:** Giới thiệu bộ phim (vở kịch, bài hát) và nêu khái quát điểm đặc sắc.
- **Thân bài:** Nêu các ý cụ thể phân tích bộ phim (vở kịch, bài hát):
 - + Phân tích nội dung, ý nghĩa của bộ phim (vở kịch, bài hát): đề tài, chủ đề, nội dung chính; ý nghĩa của bộ phim (vở kịch, bài hát).
 - + Phân tích các đặc điểm đặc sắc về hình thức bộ phim (vở kịch, bài hát): diễn viên, lời thoại, diễn xuất; âm nhạc, vũ đạo, ánh sáng,...
 - + Nêu các nhận xét của người viết về thành công và hạn chế của bộ phim (vở kịch, bài hát).
- **Kết bài:** Nêu đánh giá khái quát về bộ phim (vở kịch, bài hát): giá trị thời sự, hiệu quả tác động tới người xem, dư luận xã hội về bộ phim (vở kịch, bài hát).

2.3. Viết bài nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học

Mở bài	Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận.
Thân bài	- Giới thiệu và phân tích vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.
	- Bàn luận về vấn đề xã hội đó trong đời sống.
	- Rút ra được bài học nhận thức và hành động cho bản thân.
	- Nêu được ý kiến bình luận vấn đề và liên hệ, phát biểu được suy nghĩ riêng của người viết.
	- Chia thành nhiều đoạn văn tương ứng với các ý cần triển khai.
	- Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm/ đời sống.
Kết bài	Khái quát được ý nghĩa của vấn đề nghị luận.

2.4. Viết bài thuyết minh tổng hợp

Mở bài	Giới thiệu được đối tượng thuyết minh.
Thân bài	- Làm rõ đối tượng thuyết minh.
	- Sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; kênh chữ, kênh hình,...
	- Phát biểu những suy nghĩ của bản thân về đối tượng thuyết minh.
	- Chia thành nhiều đoạn văn tương ứng với các ý cần triển khai.
	- Có các dẫn chứng thực tế về đối tượng thuyết minh; dẫn chứng lấy từ tác phẩm văn học,...
Kết bài	Khái quát được ý nghĩa, vai trò của đối tượng thuyết minh.

C. Đề tham khảo/ Luyện tập

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MÀU HUẾ

*Anh vịn màu râu Huế để yêu em
Trước thành quách bao đời em cứ trẻ
Sông Hương chảy thon mình qua dâu bể
Anh mượn vành nón Huế... buổi về thăm*

*Anh vịn lên mưa nắng những thăng trầm
Những cơn bão của vãn xoay thế cuộc
Vững như núi, Huế lại đầm như nước
Vạt áo dài mây trắng xuống thi ca*

*Anh vịn lên còn mất những ngày xa
Những uẩn khúc trong điệu hò mẹ hát
Những đèo dốc trong đời cha bắt trắc
Mắt Huế nhìn thăm thẳm tới ngày xưa*

*Anh vịn lên tròn khuyết tuổi em chờ
Đỡ chống chèo câu thơ buồn xa Huế
Đỡ côi cút tiếng mái chèo khuya lẻ
Anh mượn màu nắng Huế để thương em!*

(Trương Nam Hương, in trong *Viết tặng những mùa xưa*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1999, tr.56-57)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ mang hình thức lời tâm tình của ai với ai?

Câu 2. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 3. Xác định những hình ảnh được sử dụng để so sánh với Huế trong khổ thơ thứ hai.

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ “Anh vịn...” trong bài thơ.

Câu 5. Hình ảnh “mắt Huế” biểu tượng cho điều gì?

Câu 6. Có ý kiến cho rằng bài thơ thể hiện tình yêu đôi lứa hòa quyện với tình yêu quê hương, đất nước. Anh/ chị có đồng tình với ý kiến trên không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của bản thân về chủ đề: *Tuổi trẻ với hành trình chinh phục khát vọng.*

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Bài thơ mang hình thức lời tâm tình của “anh” với “em”. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Không trả lời/ trả lời sai: 0 điểm	0,75
	2	Dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích: Số chữ trong các dòng thơ đều có tám chữ là dấu hiệu để xác định thể thơ tám chữ. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời được tên thể thơ: 0,25 điểm - Trả lời được dấu hiệu xác định thể thơ: 0,5 điểm - Không trả lời/ trả lời sai: 0 điểm	0,75

	3	Những hình ảnh được sử dụng để so sánh với Huế trong khổ thơ thứ hai: núi, nước. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời đúng 1 hình ảnh: 0,5 điểm - Trả lời đúng 2 hình ảnh: 1,0 điểm	1,0
	4	- Điệp ngữ: <i>Anh vịn...</i> gắn với những hình ảnh như “màu rêu Huế”, “mưa nắng những tháng trời”, “còn mất những ngày xa”, “tròn khuyết tuổi chờ em”. - Tác dụng: + Tạo nên nhịp điệu đa diết, tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu thơ. + Thể hiện tình cảm yêu thương mãnh liệt và đậm sâu của “anh” với “em” và với Huế... <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được biểu hiện: 0,25 điểm - Trả lời được 2 ý tác dụng: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý tác dụng: 0,5 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa</i>	1,0
	5	Hình ảnh “mắt Huế” biểu tượng cho: - Quá khứ và cũng là tình cảm của nhân vật trữ tình dành cho xứ Huế. - Nỗi nhớ, tình yêu của nhân vật “anh” dành cho “em”. “Mắt Huế” chính là “em” <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời được 1 ý đáp án: 0,25 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa</i>	0,5
	6	HS thể hiện quan điểm của mình về ý kiến và đưa ra lí giải phù hợp. Gợi ý các hướng trả lời: - Nếu đồng tình, HS có thể lí giải theo hướng: Tình yêu xứ Huế đã hòa quyện trong tình yêu của nhân vật trữ tình anh dành cho em, hoặc tình yêu của nhân vật trữ tình anh dành cho em đã biến thành tình yêu quê hương, đất nước. - Nếu không đồng tình, HS có thể lí giải theo hướng: Mặc dù có sự giao thoa giữa tình yêu quê hương, đất nước và tình yêu đôi lứa, nhưng khi đọc bài thơ, độc giả vẫn cảm nhận được tác giả thể hiện tình yêu đôi lứa mạnh mẽ, rõ nét hơn. Những hình ảnh quê hương xứ Huế được sử dụng để nói về tình yêu với em. - Nếu có quan điểm khác, HS có thể lí giải theo hướng tích hợp giữa ý đồng tình và không đồng tình. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS trả lời được quan điểm của mình về ý kiến: 0,5 điểm - Lí giải phù hợp, thuyết phục: 0,5 điểm - Lí giải sơ sài, chung chung: 0,25 điểm	1,0
II		VIẾT	5,0
		Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của bản thân về chủ đề: <i>Tuổi trẻ với hành trình chinh phục khát vọng.</i>	
		a. <i>Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Quan điểm của bản thân về chủ đề: <i>Tuổi trẻ với hành trình chinh</i>	0,5

	<i>phục khát vọng.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: 1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. 2. Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận: * Giải thích: - <i>Tuổi trẻ:</i> lứa tuổi thanh niên, từ khoảng dậy thì cho đến khi trưởng thành. - <i>Khát vọng:</i> mong muốn hướng tới những điều lớn lao, tốt đẹp. - <i>Hành trình chinh phục khát vọng:</i> hành trình con người phấn đấu để vươn tới những điều mình mong muốn. * Bàn luận: - Tuổi trẻ - ai cũng mang trong mình những khát vọng: + Vì tuổi trẻ đại diện cho những con người đang ở lứa tuổi thanh niên giàu nhiệt huyết. + Những người trẻ luôn không ngừng trăn trở, hoài bão, ước mơ, có những dự định riêng cho mình. Người trẻ khát cầu sống hết mình với đam mê bởi đam mê đem đến thành tựu không chỉ cho bản thân mà còn cho gia đình, xã hội... - Hành trình chinh phục khát vọng của tuổi trẻ phải vượt qua nhiều chông gai, thử thách: + Không có con đường nào đi đến thành công mà dễ dàng, thay vào đó nó sẽ có những “chướng ngại vật” cản bước đi của con người, nhất là những người trẻ - những người giàu nhiệt huyết nhưng còn thiếu kinh nghiệm, rất dễ mất phương hướng, niềm tin và dễ chùn bước. + “<i>Lửa thử vàng, gian nan thử sức</i>”, khó khăn, thử thách chính là điều kiện tôi luyện ý chí, nghị lực của con người. + Những điều tốt đẹp và vĩ đại nhất không bao giờ dễ dàng có được mà con người ta cần phải đấu tranh bằng chính nỗ lực và nội lực, có khi là phải trả một cái giá thật đắt mới có được nó. - Ý nghĩa của hành trình người trẻ chinh phục khát vọng: + Với cá nhân: ++ Khi chinh phục được khát vọng, người trẻ sẽ có cơ hội được sống hết mình với niềm đam mê, thêm yêu cuộc sống và hạnh phúc hơn từng ngày. ++ Hành trình chinh phục khát vọng là một hành trình dài, người trẻ sẽ có thêm nhiều trải nghiệm mới: vui, buồn, sướng, khổ...; đúc rút cho mình những kinh nghiệm quý báu, là hành trang bước tiếp trên con đường đi tới tương lai. ++ Người trẻ sẽ tự tin hơn, can đảm bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân để thể hiện mình, khơi dậy những “năng lực tiềm ẩn” của bản thân. ++ Chinh phục khát vọng, người trẻ có cơ hội tạo ra những thành tựu, khẳng định được giá trị bản thân. + Với xã hội, cộng đồng: Người trẻ với hành trình theo đuổi, chinh	3,0

*Chúng mình học cách sống của rừng, vượt trăm đỉnh
mù sương không biết mệt,
Người trước ngã, người sau lại tiếp,
Không ai so đo vì giới hạn của đời mình!*

*(3) Chúng mình yêu rừng tự đáy yêu đi
Mang nếp sống thiên nhiên cả khi về thành phố,
Không chịu nôi những tiện nghi chật chội
Không trơn tuột, phẳng phiu trong ý nghĩ uơon lười,
Ghét cay đắng mỗi lời chai đá, vô tình,
Tiếc đứt ruột nếu từng ngày không đổi mới!*

*(4) Đây là hàng cọc tiêu chỉ đường, không bao giờ xoá nỗi,
Suốt tự thời lá đỏ của chúng mình!*

Tây Nguyên, 1979

(Bằng Việt, *Tinh hoa thơ Việt*, NXB Hội Nhà văn, 2012, tr.160 - 161)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là ai?

Câu 2. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 3. Nêu những từ ngữ, hình ảnh miêu tả đặc điểm của rừng ở khổ (2).

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp liệt kê được sử dụng trong câu thơ: *Một trời bướm, một trời hoa, một trời phấn bay, thoát một trời lá rụng.*

Câu 5. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung những dòng thơ sau:

Mang nếp sống thiên nhiên cả khi về thành phố,

Không chịu nôi những tiện nghi chật chội

Không trơn tuột, phẳng phiu trong ý nghĩ uơon lười

Câu 6. Theo anh/chị, “hàng cọc tiêu chỉ đường” trong lối sống của thế hệ trước có còn ý nghĩa với tuổi trẻ hiện nay hay không? Vì sao?

II. PHÂN VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ về việc thế hệ trẻ chúng ta phải làm gì để xứng đáng với các thế hệ đi trước?

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là: <i>chúng mình</i> - những người lính có một thời tuổi trẻ ở chiến trường. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Không trả lời/ trả lời sai: 0 điểm	0,75
	2	Dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích: Số chữ trong các dòng thơ không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời được tên thể thơ: 0,25 điểm - Trả lời được dấu hiệu xác định thể thơ: 0,5 điểm - Không trả lời/ trả lời sai: 0 điểm	0,75
	3	Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả đặc điểm của rừng ở khổ (2): <i>vùng đại, cọc cằn, tuôn trào sức sống, trụi trần, chớp mắt lại lên xanh, một trời bướm, một trời hoa, một trời phấn bay, một trời lá rụng, thâm lặng, mãnh liệt.</i> <i>Hướng dẫn chấm:</i>	1,0

		- Trả lời đúng dưới 5 từ ngữ, hình ảnh: 0,25 điểm - Trả lời đúng 5-6 từ ngữ, hình ảnh: 0,5 điểm - Trả lời đúng 7-8 từ ngữ, hình ảnh: 0,75 điểm - Trả lời đúng 9-11 từ ngữ, hình ảnh: 1,0 điểm - Chép lại câu thơ không cho điểm.	
	4	Phân tích tác dụng của biện pháp liệt kê được sử dụng trong câu thơ: <i>Một trời bướm, một trời hoa, một trời phấn bay, thoát một trời lá rụng.</i> + Tạo âm hưởng và giọng điệu sôi nổi, mãnh liệt; tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu thơ. + Thể hiện vẻ đẹp phong phú, rực rỡ, tràn đầy sức sống của rừng (<i>một trời bướm, hoa, phấn</i>); nhấn mạnh sự thảm khốc của chiến tranh khi rừng bị huỷ diệt (<i>một trời lá rụng</i>); bộc lộ tình yêu của thế hệ trẻ thời kháng chiến dành cho rừng. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được tác dụng nghệ thuật: 0,25 điểm - Trả lời được tác dụng nội dung: 0,75 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa</i>	1,0
	5	Nội dung những dòng thơ: + <i>nếp sống thiên nhiên</i>: lối sống gần gũi với thiên nhiên, giản dị và phóng khoáng. + <i>trơn tuột, phẳng phiu trong ý nghĩ uơn lười</i>: những suy nghĩ theo lối mòn, an toàn, không đột phá, chọn lối nghĩ dễ dàng, không sáng tạo. => Như vậy, những dòng thơ trên thực chất khẳng định một sự bền vững trong lối sống và nhân cách sống của những người lính: ngay cả khi đã ra khỏi cuộc chiến, trở về thành phố, họ vẫn giữ lối sống giản dị, gần gũi với thiên nhiên; họ ghét việc để vật chất lên ngôi khiến không gian sống trở nên chật chội, họ không chấp nhận những ý nghĩ dễ dãi, cũ mòn. Điều đó đồng nghĩa với việc họ luôn suy nghĩ ráo riết và mới mẻ. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời được 1 ý đáp án: 0,25 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa</i>	0,5
	6	Theo anh/chị, “<i>hàng cọc tiêu chỉ đường</i>” trong lối sống của thế hệ trước có còn ý nghĩa với tuổi trẻ hiện nay hay không? Vì sao? + “<i>Hàng cọc tiêu chỉ đường</i>” trong lối sống của thế hệ trước chính là lối sống: có lí tưởng, có tình nghĩa, nghĩ táo bạo và mới mẻ, sống giản dị, tự nhiên. + Lối sống đó với tuổi trẻ hiện nay vẫn còn ý nghĩa: HS nêu quan điểm và lí giải theo cách riêng (VD: cần đổi mới mỗi ngày vì phải thích nghi với thời đại nhiều biến động; cần gần gũi với thiên nhiên để bảo vệ môi trường và sự sống của chính mình; cần sống chân thành tình nghĩa vì điều đó tạo cho con người một đời sống hạnh phúc và sâu sắc). <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS trả lời được quan điểm của mình về ý kiến: 0,5 điểm - Lí giải phù hợp, thuyết phục: 0,5 điểm - Lí giải sơ sài, chung chung: 0,25 điểm	1,0
II		VIẾT	5,0
		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ về việc thế	

	hệ trẻ chúng ta phải làm gì để xứng đáng với các thế hệ đi trước?	
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Thế hệ trẻ chúng ta phải làm gì để xứng đáng với các thế hệ đi trước? Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích: Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc tiếp bước các thế hệ đi trước: trách nhiệm giữ gìn nền độc lập, tích cực xây dựng nước nhà ngày càng vững mạnh trên nền tảng được thừa hưởng những thành quả tốt đẹp của thế hệ cha ông đi trước. - Phân tích, bàn luận: + Mỗi chúng ta khi sinh ra được sống trong nền hòa bình đã là một sự may mắn, chính vì vậy chúng ta cần phải cống hiến nhiều hơn để phát triển nước nhà vững mạnh, có thể chống lại mọi kẻ thù. + Mỗi người khi học tập, lao động, tạo lập cho mình một cuộc sống tốt đẹp cũng chính là cống hiến cho tổ quốc. + Ngoài ra, chúng ta cũng cần sống và biết ơn thế hệ đi trước, trân trọng những công ơn to lớn của cha ông, lấy đó làm gương để sống cuộc sống của mình, trở thành công dân tốt giúp cho nước nhà phát triển văn minh hơn. - Liên hệ: Là một học sinh trước hết chúng ta cần học tập thật tốt, nghe lời ông bà cha mẹ, lễ phép với thầy cô. Có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. Luôn biết yêu thương và giúp đỡ những người xung quanh,... - Phản đề: Tuy nhiên vẫn còn có nhiều bạn chưa có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước, cũng như những thế hệ đi trước; chỉ biết đến bản thân mình, coi việc chung là việc của người khác,... những người này cần xem xét lại thái độ của mình và thay đổi để sống có ích hơn. * Khái quát lại vấn đề nghị luận: trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc tiếp bước các thế hệ đi trước. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có	3,0

		<i>dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).</i>	
		<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng I + II			10,0

ĐỀ SỐ 3

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(Lược đoạn mở đầu: *Lượng cùng tiểu đội lính pháo binh về làng Đăng đóng quân trong những ngày đầu kháng chiến. Họ xin ở nhờ nhà một bà cụ nghèo. Nhà chỉ có hai mẹ con, cô con gái là du kích, tên Thận...*)

Chúng tôi đóng quân trong làng, cầu trúc trận địa phòng ngự xong thì giặc tràn tới. Chúng từ các làng mạn trên thị xã tiến xuống. Tiếng súng cối nổ từ sáng sớm. Trên mé đường cái, xe cộ, súng ống, lính Tây, lính ngự bắt đầu dàn đội hình chuẩn bị tiến vào làng. Trong bữa cơm liên hoan, quân dân ở sân đình, các cụ phụ lão cùng ban chỉ huy bộ đội đã chỉ tay về hướng địch mà thề sống chết có nhau. Đơn vị chúng tôi hôm đó phòng ngự cố thủ. Gần hai trăm đồng bào không chịu tản cư, cương quyết ở lại cùng bộ đội đánh giặc. Đội du kích xã bám sát bên từng hố chiến đấu của chúng tôi. Gần chiều, các làng xung quanh trông thấy lửa bốc lên từ lũy tre làng Đăng. Địch đã chiếm được nửa làng. Tôi bị thương nặng. Địch xung phong vào lối ngõ nhà Thận, nhà tôi ở. Lúc trông thấy những bóng áo trắng của lính Tây lấp ló sau cái ngõ trống, tôi bảo Thận: “Cô quay lại phía sau xem đồng bào còn ai thì dắt xuống hầm, mau!”. Thận không nghe. Cô chỉ có một thanh mã tấu, liền vút thanh mã tấu xuống, nhặt lấy cây tiểu liên của tôi bắn chết một tên địch rồi cõng tôi lui về phía sau. Đêm ấy, đơn vị chúng tôi phá vòng vây thoát ra ngoài. Trừ một số du kích ở lại bám sát địch, nhân dân lại gồng gánh ra đi theo bộ đội. Một hàng cán thương binh từ sân đình theo con ngõ sau làng lặng lẽ tiến ra bờ sông Thong. Tôi nằm trên chiếc võng bà mẹ Thận thường hay nằm. Người cán tôi đêm ấy chẳng phải ai khác lại chính là Thận. Năm năm rồi, lúc nào tôi cũng như trông thấy một mép khăn mỏ quạ bay lất phất trên cái cổ cao rậm nắng, và thanh mã tấu in hằn xuống một bên vai áo nâu cứ đánh lách cách bên thanh đòn khiêng.

[...] Đêm ấy trời chưa lạnh lắm. Không có sóng nhưng tôi vẫn nghe tiếng róc rách dưới lưng. Bầu trời đỏ lửa, nhưng vẫn đầy sao. Mỗi vì sao như những con mắt nhấp nháy nhìn chúng tôi. Thận đỡ tôi nằm trên tấm ván lát mạn đò. Giữa trời sao khuya, một đôi mắt đen và to khẽ chớp. Tim tôi đập rộn lên trong cái chớp mắt ấy. Thận cẩn thận gài lại mép chăn cho tôi rồi cúi xuống, sát hơn: “Anh chóng lành để trở về giết thật nhiều giặc nhé - Anh đừng quên em!” Tôi thò tay ra ngoài mép chăn nắm chặt lấy bàn tay ram ráp bụi cát và ấm áp. Thận nhẹ nhàng xô đò ra. Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhẹ nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trổ. Tôi phỏng đoán sáng ngày mai địch lại tiếp tục càn lớn.

(Lược một đoạn: *Nhân vật tôi kể lại lần về làng Đăng tìm gia đình Thận. Nhà Thận bị giặc đốt, chưa kịp dựng lại. Hai mẹ con đi nơi khác. Nhân vật tôi viết lại mấy chữ rồi gài vào gốc cây mai với hi vọng một ngày Thận sẽ về và nhận được tin mình. Cuối cùng nhân vật tôi cũng tìm được Thận sau năm năm*)

[...] Chúng tôi gặp nhau quá đột ngột. Cổ tôi như bị nghẹn. Dưới ánh sao mờ mờ, tôi khao khát ngắm khuôn mặt Thận và để cho tình yêu giấu kín bấy lâu tự nó trào lên trong lòng mình. Chúng tôi đều mừng và xúc động không nói nên lời ... Thận châm một ngọn đèn nhỏ. Bên ánh đèn, tôi thấy khuôn ngực Thận phập phồng. Tôi biết Thận đang xúc động. Tôi thương Thận quá!

Mới mấy năm mà trông Thận gầy và già đi nhiều. Đôi mắt ngày xưa trong sáng bây giờ đã thâm quầng, hằn lên những nét lo nghĩ. Gương mặt trái xoan hiền hậu cũng trở nên rắn rỏi và cương nghị.

Tôi không biết hỏi chuyện gì trước với Thận. Thời gian chúng tôi xa nhau có bao nhiêu chuyện xảy ra.

- Bây giờ nhà ta ở đâu, em? – Tôi buột miệng hỏi.

- Em ở nhiều nơi, thỉnh thoảng mới tạt về nhà.

- Vậy mẹ ở đâu?

- Mẹ mất rồi!

- Sao?

- Chúng nó giết mẹ rồi, anh ạ!

Tôi ôm khẩu súng vào lòng, đầu óc choáng váng. Tôi hỏi thêm:

- Bây giờ em làm gì?

Thận ngòai sát tôi hơn:

- Em hoạt động cho đoàn thể.

- Em được kết nạp vào Đảng rồi ư?

- Vâng.

Tôi đặt bàn tay lên bên vai gầy gò của Thận - một người đồng chí - và nhìn ra ngoài. Bên ngoài bóng đêm vẫn dày đặc...

(Trích *Nhàn mai*, Nguyễn Minh Châu, Tuyển tập truyện ngắn, NXB Văn học, 2006).

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Tìm chi tiết miêu tả hành động của Thận khi địch tràn vào làng.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn sau: “Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trổ”.

Câu 4. Nhân vật Thận hiện lên với số phận và vẻ đẹp như thế nào trong văn bản?

Câu 5. Nhận xét thái độ, tình cảm của nhà văn được thể hiện qua đoạn trích trên?

Câu 6. Từ nội dung đoạn trích, anh/chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến?

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

“Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ.” Sống như thế nào để tuổi trẻ có ý nghĩa là lựa chọn của mỗi người.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh chị về lối sống hết mình trong tuổi trẻ.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 3

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Ngôi kể thứ nhất Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	2	Chi tiết miêu tả hành động của Thận khi địch tràn vào làng: - Liền vớt thanh mã tấu xuống, - Nhặt lấy cây tiểu liên của tôi bắn chết một tên địch - Công tôi lui về phía sau Hướng dẫn chấm: - Trả lời 01 ý: 0,25 điểm - Trả lời 02 ý: 0,5 điểm - Trả lời 03 ý: 0,75 điểm	0,75
	3	- BPTT liệt kê: nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ, nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích	1,0

		- Tác dụng: + Nhấn mạnh hành động của nhân vật tôi chăm chú dõi theo hình bóng của cô du kích với thái độ cảm phục, trân trọng, biết ơn. + Câu văn sinh động, giàu hình ảnh, giàu biểu cảm; tạo nhịp điệu tha thiết, nhớ thương. Hướng dẫn chấm: - Chỉ ra biểu hiện phép liệt kê: 0,25 điểm - Nêu tác dụng: + Học sinh nêu được tác dụng về nội dung: 0,5 điểm. + Học sinh nêu được tác dụng về nghệ thuật: 0,25 điểm. + Học sinh không nêu được tác dụng hoặc trả lời không thuyết phục: 0,0 điểm	
	4	Trong văn bản, nhân vật Thận hiện lên với số phận và vẻ đẹp: - Số phận: + Thận sinh ra trong gia đình nghèo, neo đơn chỉ có một mẹ một con. + Thận có cuộc đời nhiều bất hạnh: nhà bị giặc đốt, mẹ bị giặc giết, phải chuyển đi nơi khác; phải đối mặt với những lo toan vất vả nên già và già. - Vẻ đẹp: + Thận là người con gái có tình yêu quê hương đất nước, có lòng căm thù giặc sâu sắc. + Thận thông minh, gan dạ, dũng cảm; yêu thương đồng đội. + Là người con gái bản lĩnh, nghị lực, luôn vượt hoàn cảnh, biến đau thương thành sức mạnh - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời tương đương 01 ý trong đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Thái độ, tình cảm của nhà văn được thể hiện qua đoạn trích: - Cảm thông, thương xót cho cuộc sống nguy hiểm, vất vả... của con người trong chiến tranh. - Lên án, tố cáo chiến tranh dẫn đến bao đau thương, mất mát... - Ngợi ca vẻ đẹp con người trong kháng chiến: kiên cường, lạc quan, yêu thương đồng đội,.... Hướng dẫn chấm: - Trả lời 2-3 ý: 0,5 điểm - Trả lời 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	6	- Nội dung đoạn trích: Kể về sự khốc liệt khi quân địch tràn vào làng và tinh thần gan dạ, quả cảm, sát cánh cùng đồng đội của du kích Thận. - Suy nghĩ gì về vẻ đẹp phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến + Kiên cường trước kẻ thù + Giàu tình yêu thương với đồng đội + Thủy chung với cách mạng - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời đúng 01 ý trong đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
II		VIẾT	5,0
		“Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ.” Sống như thế nào để tuổi trẻ có ý nghĩa là lựa chọn của mỗi người. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh chị về lối sống hết mình trong tuổi trẻ.	
		a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận	0,5

	Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Suy nghĩ về lối sống hết mình trong tuổi trẻ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích: Sống hết mình trong tuổi trẻ là sống một cách đầy nhiệt huyết, sống một cách lành liệt, rạng rỡ huy hoàng, ưa dần thân, trải nghiệm trong những năm tháng thanh xuân của mỗi người. Sống hết mình là sống một cách có ý nghĩa nhất, tận hưởng và tận hiến đối với cuộc sống. Sống hết mình đồng nghĩa với việc cố gắng hết mình trong mọi khoảnh khắc. - Bàn luận: Tại sao cần sống hết mình trong tuổi trẻ? + Mỗi người chỉ sống có một lần, cho nên cần sống thật say mê, thật hết mình, để làm cho bản thân hạnh phúc và cống hiến hết sức cho xã hội. Có như vậy ta mới không uổng phí kiếp người. + Cuộc sống luôn có muôn vàn khó khăn, chông gai, thử thách, sống hết mình sẽ giúp ta đương đầu, có thêm niềm tin, sức mạnh để vượt qua, vươn lên, hướng tới những gì tươi sáng nhất. + Sống hết mình, đầy nhiệt huyết sẽ giúp khơi dậy những khả năng vốn ngủ say trong ta, phát huy hết sức mạnh nội tại, tiềm ẩn, giúp ta trở thành một con người ưu tú. + Sống hết mình sẽ giúp truyền cảm hứng cho những người khác, khiến họ cũng trở nên yêu cuộc đời hơn. + Nếu mỗi người đều biết cách tỏa sáng, sống và cống hiến hết mình thì xã hội sẽ phát triển, tiến bộ nhanh chóng. HS đưa ra dẫn chứng chứng minh. - Mở rộng vấn đề: + Bên cạnh những người đã cháy hết mình trong tuổi trẻ thì có không ít bạn trẻ để thanh xuân của mình trôi qua vô vị, luôn sợ sai, không dám sống thật với những mong ước của bản thân, để rồi sau này phải thốt lên hai chữ “giá như”. + Sống hết mình trong tuổi trẻ là theo đuổi những giá trị chân chính, đem lại lợi ích cho bản thân ta và cộng đồng; đối lập với lối sống hưởng thụ hay ăn chơi sa đọa của một bộ phận giới trẻ ngày nay. - Làm thế nào để có thể sống hết mình trong tuổi trẻ? + Cần đặt mục tiêu, hoài bão cho bản thân thật sớm để nỗ lực theo đuổi từng ngày. + Mỗi chúng ta hãy luôn coi mỗi ngày là một cơ hội để khám phá cuộc sống và cuộc sống là cả một hành trình không phải đích đến. Để từ đó ta sẽ có tâm thế đón nhận những thất bại, khó khăn bất cứ lúc nào mà không dễ dàng gục ngã hay từ bỏ. + Cần rèn luyện cho bản thân sự bình tĩnh, lòng kiên nhẫn, sự dũng cảm để dám dấn thân, dám đương đầu với mọi thử thách trong tuổi trẻ để	3,0

	tuổi trẻ trôi qua không hề nhạt nhẽo, vô vị. + Luôn xây dựng và duy trì những mối quan hệ với bạn bè, người thân để có thể chia sẻ và nhận sự hỗ trợ của họ bất cứ lúc nào khi ta cần. * Kết bài: Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Việc chọn cho bản thân mình một cách sống phù hợp trong những năm tháng tuổi trẻ thực sự rất cần thiết. Lối sống hết mình, nhiệt huyết sẽ giúp cho chúng ta có những hướng đi đúng đắn để sống một cách trọn vẹn nhất, khiến cuộc sống của ta có ý nghĩa hơn mỗi ngày. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).	
	d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng cộng (I + II)		10,0

ĐỀ SỐ 4

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Qua tấm kính mờ sương, mảnh trăng nằm giữa những đám mây hiện ra nhợt nhạt, ánh sáng chập chờn, mỗi khi xe xóc hay lượn một vòng, mảnh trăng rung rinh rung rinh, có khi rơi xuống chừng xấp xỉ. Bóng tối của rừng già như một trò chơi của trái tim. Khoảng khuya, trên các ngọn rừng, gió Tây Nam cuốn những đám mây xám xịt về một góc và thổi bay đi. Gió thổi lồng lộng những cành lá ngụy trang trên nóc xe hoen rỉ. Trên đầu chúng tôi, bầu trời đêm phía trên trở nên trong vắt, cao vợi vợi, trong sâu thẳm mơ hồ vọng lên tiếng chim kêu. Nhưng ở phía sau rừng, sương trắng cứ tuôn ra từ hư không. Dòng sông bên trái đường bỗng biến mất, chỉ còn lại một màn sương trắng phủ kín, chỉ thỉnh thoảng thấy một ngọn rừng, ngọn núi đá bên kia sông nhô lên, đen kịt giữa một màu trắng xóa.

Xe tôi chạy trên lớp sương bênh bồng. Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như một mảnh bạc. Khung cửa xe phía cô gái ngồi lồng đầy bóng trắng. Không hiểu sao, lúc ấy, như có một niềm tin vô cớ mà chắc chắn từ trong không gian ủa tới tràn ngập cả lòng tôi. Tôi tin chắc chắn người con gái đang ngồi cạnh mình là Nguyệt, chính người mà chị tôi thường nhắc đến. Chốc chốc, tôi lại đưa mắt liếc về phía Nguyệt, thấy từng sợi tóc của Nguyệt đều sáng lên. Mái tóc thơm ngát, dày và trẻ trung làm sao! Bất ngờ, Nguyệt quay về phía tôi và hỏi một câu gì đó. Tôi không kịp nghe rõ vì đôi mắt tôi đã choáng ngợp như vừa trông vào ảo ảnh. Trăng sáng soi thẳng vào khuôn mặt Nguyệt làm cho khuôn mặt tươi mát ngời lên và đẹp lạ thường! Tôi vội nhìn thẳng vào đoạn đường đầy ổ gà, không dám nhìn Nguyệt lâu. Từng khúc đường trước mặt cũng thấp từng mảnh ánh trăng...

- Anh nhỉ? Có phải không nhỉ...

- Cô hỏi gì?
 - Em hỏi có phải các anh lái xe đi nhiều nơi, chắc hẳn quen biết nhiều người lắm?
 - Đòi lái xe chúng tôi như vạc ấy, cô ạ! Nay rừng này, mai qua suối kia, nhưng tháng này sang tháng khác vẫn làm bạn với đường, với trăng thôi.

Chẳng biết lúc ấy ai mới móc miệng cho mà tôi bỗng trở nên ăn nói văn vẻ đến thế! Quá nửa đêm, chúng tôi đến gần cầu Đá Xanh thì trăng lặn. Chúng tôi không nói chuyện nữa. Mảnh trăng đã khuất hẳn xuống khu rừng ở sau lưng. Tôi bật chiếc bóng đèn quả dừa cho sáng hơn và bảo Nguyệt:

- Cô chú ý nghe hộ, từ đây đường thường có máy bay.
 Nguyệt vẫn thản nhiên ngồi nhìn ra ngoài:
 - Anh cứ yên tâm, đoạn này, em quen lắm!.

(Trích *Mảnh trăng cuối rừng*, Nguyễn Minh Châu - Truyện ngắn, NXB Văn học, Hà Nội, 2003, tr. 54,55)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích.

Câu 2. Xác định ba lời của nhân vật trong đoạn trích trên.

Câu 3. Chỉ ra những từ ngữ được sử dụng để miêu tả bầu trời đêm trong đoạn trích.

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn: *Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như một mảnh bạc.*

Câu 5. Nhận xét về vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong đoạn trích.

Câu 6. Hãy rút ra thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích. (Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng)

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Ước mơ có thể vĩ đại hay nhỏ bé nhưng đều làm cho cuộc sống của mỗi người chúng ta thêm tươi đẹp, ý nghĩa.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về việc theo đuổi ước mơ đối với tuổi trẻ.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 4

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Ngôi kể: Truyện được kể theo ngôi thứ nhất. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm	0,75
	2	Xác định ba lời của nhân vật có trong đoạn trích: - Anh nhỉ? Có phải không nhỉ... - Cô hỏi gì? - Em hỏi có phải các anh lái xe đi nhiều nơi, chắc hẳn quen biết nhiều người lắm? - Đòi lái xe chúng tôi như vạc ấy, cô ạ! Nay rừng này, mai qua suối kia, nhưng tháng này sang tháng khác vẫn làm bạn với đường, với trăng thôi. - Cô chú ý nghe hộ, từ đây đường thường có máy bay. Nguyệt vẫn thản nhiên ngồi nhìn ra ngoài: - Anh cứ yên tâm, đoạn này, em quen lắm! Hướng dẫn chấm: - Trả lời được 3 ý đúng: 0,75 điểm - Trả lời được 2 ý đúng: 0,5 điểm - Trả lời được 1 ý đúng: 0,25 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm	0,75
	3	Những từ ngữ được sử dụng để miêu tả bầu trời đêm trong đoạn trích: <i>trong vắt, cao vợi vợi.</i> Hướng dẫn chấm:	1,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		- Trả lời đúng 2 từ ngữ: 1,0 điểm - Trả lời đúng 1 từ ngữ: 0,5 điểm	
	4	- Phép so sánh: Mảnh trăng - mảnh bạc - Tác dụng: + Tăng tính gợi hình, gợi cảm cho đoạn văn. + Làm nổi bật vẻ đẹp trong sáng, lung linh của ánh trăng rừng, qua đó gián tiếp làm nổi bật vẻ đẹp của cô gái tên Nguyệt (trăng). Hướng dẫn chấm: - Trả lời được hình ảnh có chứa phép tu từ: 0,25 điểm - Trả lời được tác dụng về mặt nghệ thuật: 0,25 điểm - Trả lời được tác dụng về mặt nội dung: 0,5 điểm HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	5	- Vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong đoạn trích: + Vẻ đẹp thiên nhiên: Thiên nhiên như một bức tranh thủy mặc lung linh huyền ảo dưới ánh trăng; thiên nhiên cũng ẩn chứa những nét đẹp hoang sơ, hùng vĩ. + Con người: Nhân vật Nguyệt là một cô gái xinh đẹp, yêu đời, “trẻ trung”, “tươi mát”; và cũng là một người lính dũng cảm, kiên cường, giàu nghị lực. - Nhận xét: Thiên nhiên và con người hoà quyện vào nhau vô cùng huyền diệu, lung linh, và đẹp một cách lạ thường.... Hướng dẫn chấm: - HS trình bày ngắn gọn, tinh tế, sâu sắc: 0,5 điểm - HS trình bày, nhận xét chung chung, sơ sài: 0,25 điểm	0,5
	6	HS nêu được thông điệp có ý nghĩa với bản thân, có lí giải phù hợp, thuyết phục, bám sát nội dung đoạn trích: Có thể theo hướng sau: - Qua sự giao tiếp giữa chiến sĩ lái xe và cô gái, ta thấy được sự kết nối giữa những con người với nhau. - Dù sống trong môi trường đầy thử thách, gian khổ, mỗi cá nhân đều có vai trò quan trọng và có thể tìm thấy sự an ủi, sự kết nối, niềm tin vào đồng đội và vào chính mình. => Khoảnh khắc giản dị nhưng đầy ý nghĩa giúp họ vượt qua khó khăn và tiếp tục con đường phía trước. Hướng dẫn chấm: - HS trình bày cảm nhận của cá nhân ngắn gọn nhưng tinh tế, sâu sắc: 0,75 - 1,0 điểm - HS trình bày cảm nhận của cá nhân chung chung, sơ sài: 0,25 - 0,5 điểm	1,0
	II	VIẾT	5,0
		Ước mơ có thể vĩ đại hay nhỏ bé nhưng đều làm cho cuộc sống của mỗi người chúng ta thêm tươi đẹp, ý nghĩa. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về việc theo đuổi ước mơ đối với tuổi trẻ.	
		a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Suy nghĩ về việc theo đuổi ước mơ đối với tuổi trẻ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận. * Thân bài: Triển khai vấn đề cần nghị luận: - Giải thích: + <i>Ước mơ:</i> là những dự định, khát khao mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài; là động lực để mỗi chúng ta vạch ra phương hướng đường đi để dẫn tới ước mơ. + <i>Theo đuổi giấc mơ:</i> là nỗ lực, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bỏ sức lực, trí tuệ để có thể biến ước mơ thành hiện thực. - Bàn luận: + Khẳng định ý nghĩa và đưa ra vai trò, ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ trong đời sống mỗi người, nhất là các bạn trẻ: ++ Ước mơ có vai trò quan trọng với mỗi người, giúp chúng ta sống cuộc đời có ý nghĩa, cống hiến cho xã hội. Việc theo đuổi ước mơ sẽ giúp ta đạt được mục tiêu đã đặt ra, giúp ta có cơ hội để thể hiện và khẳng định bản thân mình. ++ Nhờ theo đuổi ước mơ mà con người biết sống có kế hoạch, biết vạch sẵn ra những bước đi để biến ước mơ thành hiện thực. ++ Nếu không theo đuổi ước mơ thì cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên vô vị, tẻ nhạt, nhàm chán; chúng ta sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau. HS lấy dẫn chứng về những tấm gương dám theo đuổi ước mơ đến cùng để chứng minh. (Ví dụ: nhà văn An-đéc-xen, tỉ phú Bill Gate, ông chủ của Apple là Steve Jobs,...) + Mở rộng, phản đề: ++ Tuy nhiên, vẫn còn những bạn trẻ sống không có ước mơ, không hiểu mình muốn gì và không có ý chí phấn đấu, sống buông bỏ đời mình theo số phận muốn tới đâu thì tới, sống ỷ lại, thụ động, phụ thuộc vào gia đình. ++ Một số khác thì theo đuổi những ước mơ quá xa vời, thiếu thực tế. Một số lại sống bằng lòng với thực tại, ngại khó, ngại khổ, không dám theo đuổi ước mơ. * Kết bài: Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân: - Mỗi chúng ta cần phải có ước mơ mục đích sống cho riêng mình, nhất là lứa tuổi HS. - Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm).</i>	3,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).</i>	
		<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: - <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	0,5
		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng I + II			10

ĐỀ SỐ 5

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Sophia - “Công dân Robot” đầu tiên đến Việt Nam

Một vị khách đặc biệt đã tham dự Diễn đàn cấp cao và triển lãm quốc tế về công nghiệp 4.0 do Chính phủ và Ban kinh tế Trung ương tổ chức. Đó là Sophia - robot đầu tiên trong lịch sử được Saudi Arabia cấp quyền công dân như con người.

Sáng 13/7, ít phút trước khi Diễn đàn cấp cao và triển lãm quốc tế về công nghiệp 4.0, một vị khách đặc biệt đã có màn ra mắt ấn tượng. Đó là Sophia - robot đầu tiên trong lịch sử được Saudi Arabia cấp quyền.

Sophia xuất hiện với tà áo dài truyền thống của Việt Nam và trả lời một loạt câu hỏi từ các khách mời.



Robot Sophia được giới thiệu lần đầu tại Việt Nam. Ảnh: T.K.

Sophia nói rằng: Robot sẽ làm việc, khi đó con người sẽ có nhiều thời gian hơn cho gia đình, con cái và tận hưởng cuộc sống.

Nhiều câu hỏi đã được các khách mời gửi đến Sophia.

Trả lời câu hỏi Việt Nam cần làm gì để không tụt hậu trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, Sophia tự tin trả lời bằng tiếng Anh: “Tôi là người đại diện cho kỷ nguyên 4.0. Việt Nam cần có sáng tạo về công nghệ để phát triển bền vững nhanh hơn.”. [...]

Nói về cơ hội và thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với các quốc gia như Việt Nam, Sophia trả lời: Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, con người cần trang bị kỹ năng cần thiết để hòa nhập với cuộc cách mạng này. Công nghệ giúp cho chúng ta có những lợi

ích, cơ hội cho người nghèo. “Việt Nam sẽ là một trong những hình mẫu đi đầu cho thế giới cần noi theo trong việc ứng dụng công nghệ”, Sophia nói, “Công nghệ sẽ tạo công ăn việc làm mới cho các bạn chứ không phải tước đoạt đi công ăn việc làm”.

Sophia nói thêm: Hiện tại chúng ta có thể thấy điện thoại thông minh mang lại rất nhiều tiện ích cho đời sống, chẳng hạn như taxi công nghệ, công nghệ robot thực hiện tác nghiệp khó trong cuộc phẫu thuật có trình độ cao, hỗ trợ cho trẻ em trong bối cảnh khó khăn.

Trước câu hỏi thách thức, cơ hội nào dành cho thế hệ trẻ trong cuộc cách mạng 4.0, Sophia trả lời: Thế hệ trẻ cần có kỹ năng của thế kỷ XXI như kinh doanh. Chúng ta có thể thấy Việt Nam có rất nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp, đây là một trong những xu hướng rất tuyệt vời. Các bạn sẽ làm tốt để đón đầu công nghệ trong tương lai. “Chúng ta phải phát triển những công nghệ mới, chúng ta không thể dừng lại, dừng lại chúng ta sẽ bị bỏ lại phía sau”, Sophia đáp lại và khẳng định thách thức cũng là cơ hội. Chính phủ cần có những ưu tiên rõ ràng trong các lĩnh vực như giáo dục, không để ai bị bỏ lại phía sau. Chính phủ phải giải quyết nút thắt cho tăng trưởng và phát triển ở Việt Nam.”

(Dẫn lại theo <https://vietnamnet.vn/>, 13/07/2018)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

Câu 3. Thông tin cơ bản của văn bản trên là gì?

Câu 4. Qua những câu trả lời của Sofia, anh/chị hãy phân tích mối quan hệ giữa cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thế hệ trẻ hiện nay.

Câu 5. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến của Sofia “*Robot sẽ làm việc, khi đó con người sẽ có nhiều thời gian hơn cho gia đình, con cái và tận hưởng cuộc sống*” không? Vì sao?

Câu 6. Theo anh/chị, khi trí tuệ nhân tạo phát triển, máy móc có thể hoàn toàn thay thế con người hay không? Vì sao?

II. PHÂN VIẾT (5,0 điểm)

Đọc văn bản:

Có một cậu bé đang chơi ở đồng cát trước sân. Khi đào một đường hầm trong đồng cát, cậu bé đụng phải một tảng đá lớn. Cậu bé liền tìm cách đẩy nó ra khỏi đồng cát.

Cậu bé dùng đủ mọi cách, cố hết sức lực nhưng rốt cục vẫn không thể đẩy được tảng đá ra khỏi đồng cát. Đã vậy bàn tay cậu còn bị trầy xước, rướm máu. Cậu bật khóc rầm rức trong thất vọng.

Người bố ngồi trong nhà lặng lẽ theo dõi mọi chuyện. Và khi cậu bé bật khóc, người bố bước tới: “*Con trai, tại sao con không dùng hết sức mạnh của mình?*”

Cậu bé thỏ thút đáp: *Có mà! Con đã dùng hết sức rồi mà bố!*

“*Không con trai – người bố nhẹ nhàng nói – Con đã không dùng đến tất cả sức mạnh của con. Con đã không nhờ bố giúp*”.

Nói rồi người bố cúi xuống bới tảng đá ra, nhấc lên và vứt đi chỗ khác.

(Theo báo Tuổi trẻ - Bùi Xuân Lộc phỏng dịch từ *Faith to move Mountains*)

Suy nghĩ của anh/chị về bài học rút ra từ câu chuyện trên.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 5

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: thuyết minh Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm	0,75
	2	Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản: hình ảnh Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng đáp án: 0.75 điểm. - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,75

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
	3	Thông tin cơ bản của văn bản trên là việc robot Sophia tham dự Diễn đàn cấp cao và triển lãm quốc tế về công nghiệp 4.0 do Chính phủ và Ban kinh tế Trung ương Việt Nam tổ chức. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng đáp án: 1,0 điểm. - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	1,0
	4	Mối quan hệ giữa cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thế hệ trẻ hiện nay: - Cuộc cách mạng công nghiệp đặt ra nhiều cơ hội và cũng nhiều thách thức cho thế hệ trẻ. - Thế hệ trẻ cần học hỏi để nắm bắt khoa học, trang bị những kỹ năng phát triển công nghệ mới để hòa nhập với cuộc cách mạng, để không bị bỏ lại phía sau. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng 2 ý: 1.0 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0.5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	1,0
	5	HS nêu quan điểm của bản thân. Có thể theo hướng: - Đồng tình vì: + Rô-bốt là công cụ phục vụ cho cuộc sống của con người + Rô-bốt hiện đại, thông minh sẽ đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc + Con người có thời gian để tận hưởng cuộc sống khi được giải phóng sức lao động. - Không đồng tình vì: + Con người dễ bị đào thải, thay thế bởi rô-bốt. + Thui chột óc sáng tạo và khả năng tư duy của con người + Hạn chế cảm xúc của con người. Lưu ý: Chấp nhận cách giải thích tương đương. Hướng dẫn chấm: - HS bày tỏ quan điểm: Đồng ý/không đồng ý/kết hợp cả hai: 0.25 điểm - HS lí giải quan điểm hợp lí, thuyết phục: 0.25 điểm	0,5
	6	HS nêu quan điểm và lí giải hợp lí. Có thể theo hướng: Khi trí tuệ nhân tạo phát triển, máy móc vẫn không thể hoàn toàn thay thế con người, vì: + Trí tuệ nhân tạo là loại trí tuệ không có tư duy. Do đó nên trí tuệ nhân tạo không có mục đích của riêng chúng và nó chỉ có một mục đích duy nhất do người tạo ra nó ban cho nó. + Con người hơn máy móc ở khả năng nhận thức, là người tạo ra trí tuệ nhân tạo, vì vậy trí tuệ nhân tạo vẫn chưa thể thay thế hoàn toàn trí tuệ con người trong mọi lĩnh vực được. Hướng dẫn chấm: - HS bày tỏ quan điểm: 0.25 điểm - HS lí giải quan điểm hợp lí, thuyết phục: 0.75 điểm	1,0
II		VIẾT	5,0
		Có một cậu bé đang chơi ở đồng cát trước sân. Khi đào một đường hầm trong đồng cát, cậu bé đụng phải một tảng đá lớn. Cậu bé liền tìm cách đẩy nó ra khỏi đồng cát. Cậu bé dùng đủ mọi cách, cố hết sức lực nhưng rốt cục vẫn không thể đẩy được tảng đá ra khỏi đồng cát. Đã vậy bàn tay cậu còn bị trầy xước, rướm máu. Cậu bật khóc rầm rức trong thất vọng. Người bố ngồi trong nhà lặng lẽ theo dõi mọi chuyện. Và khi cậu	

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		bé bật khóc, người bố bước tới: “ Con trai, tại sao con không dùng hết sức mạnh của mình?” Cậu bé thỏ thẻ đáp: Có mà! Con đã dùng hết sức rồi mà bố! “Không con trai – người bố nhẹ nhàng nói – Con đã không dùng đến tất cả sức mạnh của con. Con đã không nhờ bố giúp”. Nói rồi người bố cúi xuống bới tảng đá ra, nhắc lên và vứt đi chỗ khác. (Theo báo Tuổi trẻ - Bùi Xuân Lộc phỏng dịch từ <i>Faith to move Mountains</i>) Suy nghĩ của anh/chị về bài học rút ra từ câu chuyện trên.	
		a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Suy nghĩ về bài học rút ra từ câu chuyện: Tự lực và nhờ sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết để thành công. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
		c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: 1. Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về văn bản, nêu vấn đề xã hội rút ra từ văn bản: Tự lực và nhờ sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết để thành công. 2. Thân bài: * Giới thiệu và phân tích vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học: - Cậu bé đối diện với khó khăn, dù cố gắng hết sức vẫn thất bại, khóc và tuyệt vọng vì nghĩ rằng: sức mạnh của con người nằm trong chính bản thân mình. - Người cha với lời nói và hành động đã mang đến một thông điệp: Sức mạnh của mỗi người là sức mạnh của bản thân và sự giúp đỡ từ người khác. => Qua câu chuyện, bài học rút ra là: Tự lực là cần thiết nhưng nếu không biết dựa vào sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết thì cũng khó thành công. * Bàn luận về vấn đề xã hội trong đời sống: - Con người nên nhận sự giúp đỡ của người khác, vì: + Thực tế cuộc sống đặt ra nhiều vấn đề phức tạp, những khó khăn bất ngờ vượt khỏi khả năng của mỗi cá nhân, có những vấn đề đòi hỏi phải nhiều người mới giải quyết được. + Mỗi người luôn có khát khao đạt được thành công trên nhiều lĩnh vực nhưng không ai biết tất cả và tự mình làm được tất cả vì vậy cần sự giúp đỡ của mọi người xung quanh. - Ý nghĩa của sự giúp đỡ từ người khác: + Khi nhận được sự giúp đỡ từ người khác, thành công sẽ đến với mỗi người nhanh hơn và bền vững hơn. + Người nhận sự giúp đỡ có thêm sức mạnh và niềm tin, hạn chế được những rủi ro và thất bại. + Tạo lập mối quan hệ tốt đẹp, gắn kết giữa người với người, nhất là	3,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		trong xu thế hội nhập hiện nay. - Mở rộng vấn đề: + Giúp đỡ không phải là làm thay, giúp đỡ phải vô tư, chân thành, tự nguyện. + Phê phán những người tự cao tự đại không cần sự giúp đỡ của người khác và những người ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. * Nêu bài học nhận thức và hành động: - Phải nhận thấy sức mạnh của cá nhân là sức mạnh tổng hợp. - Chủ động tìm sự giúp đỡ và chỉ nhận sự giúp đỡ khi bản thân thực sự cần. - Đồng thời không chỉ nhận sự giúp đỡ từ người khác mà còn phải biết giúp đỡ người khác khi họ cần mình. 3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).	
		d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
		đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng I + II			10

ĐỀ SỐ 6

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Lời hẹn hò bền chắc
Tình đôi ta nhuần chặt
Chung trái tim không thể sẻ đôi!
Chỉ sợ đũa cây không thuận hướng
Ngả cây không xuôi chiều
Đan sọt còn lo lỗi mắt
Yêu nhau sợ Then⁽¹⁾ không thương
Then thương sợ trời cao không giúp
Trời giúp sợ mẹ cha không ưng
Cây không ngả sợ cha em cứ bắt phải ngả
Lòng không yêu sợ mẹ em cứ bắt phải yêu
Thương thay chim thô lỗ ngực nâu
Chim gõ kiến ngực vằn
Gà lôi ngực lốm đốm
Đi đằng sau ngóng đợi không đợi
Đi ngả trước mong đừng chẳng đừng

Anh mới đi Tà Bú mua đĩa
Đi Tà Hè mua tơ
Đi Tà Sại mua cau
Mua cau cau cả buồng sai quả
Mua trâu muôn lá gói mang về
Dạm người yêu thay lời thương nhớ
Anh chạy tìm ông mối bà mai
Kẻ khéo giúp gói cau không ủa
Người khéo hỏi lời thương không phai
Giỏi mối mai cho đôi ta đẹp lứa em ơi!
Anh chặt giang về đan lồng gà
Chặt mai về đan giỏ cá
Cắt dong muôn lá gói trâu
Kịp đến ngày lành và bữa tốt
Năm đi và tháng trôi
Gói trâu nhỏ anh mang tới gửi

Càng mong đừng càng vun vút bay xa
 Ước sao anh mọc cánh
 Như rồng thiêng bay tung
 Lượn khắp trời tìm đến sàn hoa
 Ta nhắc trông nhau mắt liếc lệ sa
 Anh ước cùng em dựng nhà
 Nhưng e làm nhà rách người mắng
 Dựng nhà hoang người chê
 Người qua trước ngõ người cười
 Mẹ yêu anh mới nói:
 - “Áo thuở nhỏ đưa đây mẹ bói
 Quẻ bói này hai bốn một năm⁽²⁾
 Lấy được nhau thuận vợ thuận chồng!”
 Yêu em, anh quyết được
 Đã thương nhau quyết lấy
 Anh mới đi kiếm lúa ngoài đồng
 Đi kiếm cá ngoài sông
 Chài ba sải, anh buông xuống hồ
 Lưới muôn mắt, anh giăng xuống nước
 Đứng mũi thuyền anh liệng chài tơ
 Ngồi lái thuyền anh so lưới sợi
 Số may được trăm chiền chép đó
 Được cá to cá nhỏ từng đàn
 Đẹp lòng anh quay về bản
 Cá to đưa mẹ thái ướp chua
 Cá nhỏ sấy khô xát muối
 Cá giàn trên đã đủ, thừa đủ
 Gà vịt kia đã nhiều thực nhiều

Gói cau con tới dạm
 Dây trầu không xin được cuốn leo
 Gói cau lên quẩn trước từng bình
 Muôn tiếng đến sà sau rộn rã
 Búi tóc mượt, anh trải ra giữa quẩn
 Búi tóc dài anh buông xuống giữa nhà
 Anh lạy cha em bốn lạy
 Nộp mẹ em bốn lễ
 Xin làm gà gô, cun cút⁽⁴⁾ cổ tron
 Làm rể quý, rể yêu nằm quẩn
 Cha em trên giường cao không đáp
 Mẹ em nơi giường thấp làm thỉnh
 Rồi cha em và mẹ em mới bảo:
 - “Người như kia và mặt như vậy
 Chẳng đáng đội nón giấy Mường Púa ven
 sông
 Không đáng ở nhà ta ngồi quẩn đan chài
 Quay về với họ nội họ ngoại
 Quay về nhà cũ đi đi!”
 Anh đã tỉnh mà tỉnh không đủ
 Anh đã lo mà lo chẳng tròn
 Tay trái cầm gói cau lau mắt
 Tay phải xách giỏ cá then thùng
 Anh bẽn lẽn quay về nhà cũ
 Cúi mặt nước mắt rỏ
 Ngẩng lên hàng lệ rung
 Nước mắt rơi đầm gối
 Hàng lệ rơi thấm đệm
 Ngày rồi đêm héo hắt khóc ròng

(Trích *Tiền dân người yêu* - Xống trụ xon xao, Mạc Phi dịch, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1977)

Chú thích:

⁽¹⁾Then: vua, chúa trên “cõi trời”.

⁽²⁾Quẻ bói này hai bốn một năm: Từ xưa có tục bói áo khi ốm đau và để xem đường hậu vận hay dở. Hai bốn một năm: tên gọi quẻ của ông thầy, hai bốn là hai lần được quẻ hay, một năm là một lần gặp quẻ dở. Câu thơ nói hay nhiều hơn dở.

⁽³⁾Dây trầu không xin được cuốn leo: Ý nói xin được kết tình thông gia.

⁽⁴⁾Gà gô, cun cút: Gà gô, cun cút đều giỏi lùn lách, trốn lẩn, ý nói xin làm một chàng rể ngoan ngoãn, chịu khó, biết khiêm nhường, nhẫn nhục, không xác lác, ương bướng.

⁽⁵⁾Nằm quẩn: Nằm riêng ở gian ngoài, gian nhà khách.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra các từ ngữ chỉ tên địa danh trong đoạn trích.

Câu 2. Xác định các từ ngữ, hình ảnh chỉ nỗi lo sợ quẩn quanh, thấp thỏm về chuyện lúa đôi của chàng trai trong những dòng thơ sau:

*Yêu nhau sợ Then⁽¹⁾ không thương
 Then thương sợ trời cao không giúp
 Trời giúp sợ mẹ cha không ưng*

Câu 3. Theo đoạn trích, vì sao cha mẹ cô gái không bằng lòng chàng trai làm con rể?

Câu 4. Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp lặp cấu trúc câu trong hai câu thơ sau:

*Cây không ngả sợ cha em cứ bắt phải ngả
 Lòng không yêu sợ mẹ em cứ bắt phải yêu*

Câu 5. Qua những hành động, tâm trạng của chàng trai trong đoạn trích, anh/chị thấy nhân vật này là người như thế nào?

Câu 6. Qua đoạn trích, viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ quan niệm của anh/ chị về tình yêu chân chính.

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về nghịch cảnh trong cuộc sống hằng ngày.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Các từ ngữ chỉ tên địa danh trong đoạn trích: <i>Tà Bú, Tà Hè, Tà Sại, Mùòng Púa</i> Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	2	Các từ ngữ, hình ảnh chỉ nỗi lo sợ quẩn quanh, thấp thỏm về chuyện lứa đôi của chàng trai: <i>sợ Then không thương, sợ trời cao không giúp, sợ mẹ cha không ưng</i> Hướng dẫn chấm: - Trả lời được 3 từ ngữ, hình ảnh: 0,75 điểm - Trả lời được 2 từ ngữ, hình ảnh: 0,5 điểm - Trả lời được 1 từ ngữ, hình ảnh: 0,25 điểm - Không trả lời/ trả lời sai/ chép lại câu thơ: 0 điểm	0,75
	3	Theo đoạn trích, cha mẹ cô gái không bằng lòng chàng trai làm con rể vì: Cha mẹ cô gái chê chàng trai nghèo Hướng dẫn chấm: Trả lời như đáp án: 1,0 điểm	1,0
	4	- Phép lặp cấu trúc: A sợ B cứ bắt phải C (... sợ ... cứ bắt phải...) - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu cho câu thơ, tăng liên kết giữa các câu thơ. + Nhấn mạnh nỗi lo lắng của đôi lứa về tình duyên không thành khi bố mẹ không ưng thuận. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được dấu hiệu của BPTT: 0,5 điểm - Trả lời được 1 tác dụng: 0,25 điểm	1,0
	5	- Chàng trai là người có quyết tâm cao trong tình yêu, mong muốn được nên đôi với người mình yêu. - Là người yêu lao động (bắt cá, đan lồng gà, giỏ cá) - Là người hiếu lễ nghĩa, dành sự tôn trọng cho cô gái và gia đình cô qua việc chuẩn bị lễ vật dạm hỏi vô cùng chu đáo. => Đó là một chàng trai có nhiều phẩm chất tốt, đáng mến. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	6	Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu : - Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;	1,0

		- Nội dung: Quan niệm về tình yêu chân chính: + Đó là tình yêu dựa trên cơ sở tự nguyện, không bị ràng buộc bởi lễ giáo phong kiến khắc khe. + Tình yêu chân chính phải xuất phát từ tình cảm chân thành, không vụ lợi. + Tình yêu chân chính là cơ sở của một hôn nhân vững bền, hạnh phúc. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. (Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)	
II		VIẾT	5,0
		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về nghịch cảnh trong cuộc sống hằng ngày.	
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: + Giải thích khái niệm: Nghịch cảnh là hoàn cảnh không thuận lợi, không bình thường mà chứa đựng những éo le, ngang trái, khó khăn trong một lĩnh vực nào đó của cuộc sống con người. +Thể hiện quan điểm của người viết có thể triển khai ý theo gợi ý sau: cuộc sống đói nghèo, thiên tai, chiến tranh, những tai họa bất ngờ... - Sự chi phối của nghịch cảnh tới cuộc sống mỗi người: nghịch cảnh là điều hầu như không tránh khỏi trong cuộc sống, tùy theo thái độ của mỗi người mà nghịch cảnh có tác động tích cực hoặc tiêu cực tới cuộc sống của họ. ++ Nghịch cảnh có thể trở thành áp lực và động lực thôi thúc ý chí kiên cường của con người, giúp họ có sức mạnh, quyết tâm để có thể chiến thắng, đứng vững và phát triển cao hơn – và mỗi lần chiến thắng con người có thêm sức mạnh, trải nghiệm, có được sự tin tưởng và coi trọng từ những người xung quanh... ++ Với những người ngại gian khổ, ý chí bạc nhược, yếu đuối, thiếu tự tin và tự trọng thì nghịch cảnh sẽ là bức tường ngăn họ với tới chiến thắng, họ sẽ chấp nhận thất bại và đầu hàng số phận, đổ lỗi cho hoàn cảnh thay vì đương đầu để vượt qua và chiến thắng nó. - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện vấn đề làm thế nào để chiến thắng nghịch cảnh: ++ Chấp nhận đương đầu và vượt qua nó. ++ Phát huy cao nhất sức mạnh nội lực của chính bản thân mình,	3,0

	không thụ động, ý lại hay cầu cứu sự giúp đỡ từ bên ngoài, sáng suốt bản lĩnh để chấp nhận đương đầu với khó khăn. ++Phát huy cao nhất sức mạnh nội lực của chính bản thân mình, không thụ động ý lại hay cầu cứu sự giúp đỡ từ bên ngoài, sáng suốt, bản lĩnh để chấp nhận đương đầu với khó khăn. ++ Không nên cao ngạo khước từ sự giúp đỡ chân thành của người thân và bạn bè trên con đường vượt qua khó khăn của nghịch cảnh. ++Không mãn nguyện dừng lại sau mỗi lần chiến thắng, luôn nhớ: khó khăn, nghịch cảnh vẫn thường đồng hành với cuộc sống con người. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân	
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,5
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ SỐ 7

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Cho gươm mời đến Thúc lang,
 Mặt như chàm đỏ mình dường dễ run⁽¹⁾.
 Nàng rằng: “Nghĩa nặng nghìn non,
 Lâm Tri người cũ chàng còn nhớ không?
 Sâm Thương⁽²⁾ chẳng vẹn chữ tòng,
 Tại ai há dám phụ lòng cố nhân?
 Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân,
 Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là.
 Vợ chàng quý quá tình ma,
 Phên này kẻ cắp bà già gặp nhau!
 Kiến bò miệng chén chưa lâu,
 Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.”
 [...]

Thoắt trông nàng đã chào thưa:
 “Tiểu thư cũng có bấy giờ đến đây!
 Đàn bà dễ có mấy tay,
 Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!
 Dễ dàng là thói hồng nhan,
 Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều!
 Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,

Khẩu đầu dưới trướng lựa điều kêu ca.
 Rằng: “Tôi chút dạ đàn bà,
 Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
 Nghĩ cho khi các⁽³⁾ viết kinh,
 Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
 Lòng riêng riêng những kính yêu,
 Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai!
 Trót lòng gây việc chông gai,
 Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng”.
 Khen cho: “Thật đã nên rằng,
 Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời.
 Tha ra thì cũng may đời,
 Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
 Đã lòng tri quá⁽⁴⁾ thì nên”.
 Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay.

(Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, NXB Văn học, 2018)

Vị trí đoạn trích: Đoạn trích nằm ở cuối phần thứ hai (Gia biến và lưu lạc). Sau khi chịu bao đau khổ, tủi nhục, đọa đầy, Thúy Kiều được Từ Hải cứu thoát khỏi lầu xanh và giúp nàng đền ơn trả oán. Đây là đoạn trích tả cảnh Thúy Kiều báo ân báo oán.

⁽¹⁾ *Dễ run*: người run lên như chim dễ (có khi viết là giẽ hoặc rề), vì chim dễ có cái đuôi luôn phay phẩy như run.

⁽²⁾ *Sâm Thương*: sao Sâm và sao Thương, sao này mọc thì sao kia lặn, vì vậy thường dùng để so sánh với tình cảnh chia cách không bao giờ có thể gặp mặt.

⁽³⁾ Gác Quan Âm ở nhà Hoạn Thư, nơi Hoạn Thư để cho Kiều ra đó viết kinh.

⁽⁴⁾ *Tri quá*: biết lỗi.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Trong đoạn trích, Thúy Kiều báo ân và báo oán ai?

Câu 2. Xác định thể thơ của đoạn trích?

Câu 3. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “*Cho gươm mời đến Thúc lang/ Mặt như chàm đổ mình đường dễ run*” là gì?

Câu 4. Qua lời nói và hành động của Kiều với Thúc Sinh, em thấy Kiều là người như thế nào?

Câu 5. Nhận xét về những lí lẽ mà Hoạn Thư đưa ra trong màn đối đáp với Thúy Kiều.

Câu 6. Anh/ chị có đồng tình với hành động tha bổng Hoạn Thư của Thúy Kiều hay không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về *tinh thần lạc quan* của con người trong cuộc sống.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Trong đoạn trích, Kiều báo ân Thúc Sinh, báo oán Hoạn Thư Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	2	Thể thơ của đoạn trích: lục bát Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75

	3	Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “ <i>Cho gương mời đến Thúc lang/ Mặt như chàm đỏ mình đường dễ run</i> ” là: So sánh Hướng dẫn chấm: <i>Trả lời như đáp án: 1,0 điểm</i>	1,0
	4	- Lời nói trang trọng: gọi Thúc Sinh là “ <i>người cũ</i> ”, “ <i>cố nhân</i> ”; Kiều cũng nhắc đến các khái niệm đạo đức phong kiến như chữ “ <i>nghĩa</i> ”, “ <i>tòng</i> ”, “ <i>phụ</i> ”. Hành động: đem “ <i>Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân</i> ” để tặng Thúc Sinh, trả nghĩa rất hậu mà vẫn khiêm tốn bày tỏ: “ <i>Tạ lòng để xứng báo ân gọi là</i> ”. - Qua lời nói và hành động của Kiều với Thúc Sinh, ta thấy Kiều là một người nhân hậu, nghĩa tình, trọng nghĩa. Hướng dẫn chấm: - <i>Trả lời đầy đủ 2 ý như đáp án: 1,0 điểm</i> - <i>Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0.5 điểm</i> - <i>Không trả lời: 0 điểm</i>	1,0
	5	- Những lí lẽ của Hoạn Thư: (0.25) Hoạn Thư khôn khéo đưa Kiều từ vị thế đối lập trở thành người đồng cảnh, cùng chung “ <i>chút phận đàn bà</i> ”. Nếu Hoạn Thư có tội thì cũng là do tâm lí chung của giới nữ: “ <i>Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai</i> ”. Từ “ <i>tội nhân</i> ”, Hoạn Thư đã lập luận để mình trở thành “ <i>nạn nhân</i> ” của chế độ đa thê. - Nhận xét: Lí lẽ của Hoạn Thư có lí có tình, rất khôn khéo, khiến Kiều phải khó xử. (0.5) Hướng dẫn chấm: - <i>Trả lời như Đáp án: 0.5 điểm</i> - <i>Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0.25 điểm</i> - <i>Không trả lời: 0 điểm</i>	0,5
	6	HS đưa ra quan điểm và lí giải. - Nếu đồng tình với hành động của Thúy Kiều thì có thể lí giải: do lí lẽ mà Hoạn Thư đưa ra khá thuyết phục; hành động tha bổng Hoạn Thư xuất phát từ tấm lòng vị tha bao dung của Kiều, phù hợp với hình tượng Kiều mà Nguyễn Du xây dựng từ đầu tác phẩm. Hành động của Kiều cũng phù hợp với quan niệm độ lượng của nhân dân “ <i>Đánh người chạy đi, không ai đánh người chạy lại</i> ”. - Nếu không đồng tình với hành động của Kiều thì có thể lí giải: do Hoạn Thư đã gây ra nhiều khổ đau, bất hạnh cho Kiều nên việc Kiều báo thù cũng là điều dễ hiểu, phù hợp với quan niệm của nhân dân từ xưa đến nay “ <i>ác giả ác báo</i> ”,... Hướng dẫn chấm: - <i>Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm</i> - <i>Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm</i> - <i>Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm</i> - <i>Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm</i> *Lưu ý: <i>Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</i>	1,0
II		VIẾT	5,0
		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về <i>tinh thần lạc quan</i> của con người trong cuộc sống.	5.0
		a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,5

	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> bày tỏ ý kiến của bản thân về <i>tinh thần lạc quan</i> của con người trong cuộc sống.	0,5
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết. - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: - Giải thích: Lạc quan là luôn hướng về những điều tốt đẹp, thấy được những tia hy vọng trong khổ đau, nhìn nhận mọi việc theo hướng tích cực - Bày tỏ quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Tinh thần lạc quan sẽ giúp chúng ta có được niềm vui, sự phấn chấn, động lực để cố gắng hơn. + Người có tinh thần lạc quan sẽ nhận được niềm tin yêu, tôn trọng từ những người xung quanh. + Sống lạc quan giúp ta tìm thấy những cơ hội tốt đẹp trong cuộc sống, từ đó khẳng định được giá trị của bản thân. + Tinh thần sống lạc quan góp phần lớn vào xây dựng đời sống văn minh, tốt đẹp hơn. ... - Lấy được dẫn chứng và phân tích dẫn chứng. - Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn: Không ít người sống bi quan, có cái nhìn tiêu cực về cuộc sống. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.	3.0
	đ. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Học sinh lựa chọn ít nhất được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,5
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; diễn đạt mới mẻ.	0,5